

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *2042*/UBND-VX

Thị xã Duyên Hải, ngày 08 tháng 8 năm 2023

V/v triển khai thực hiện các Nghị quyết
kỳ họp thứ 9- HĐND tỉnh khóa X

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thị xã;
- Giám đốc Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao thị xã;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 3263/UBND-THNV ngày 27/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết kỳ họp thứ 9- HĐND tỉnh khóa X; Công văn số 3208/UBND-NN ngày 24/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Công văn số 2272/STNMT-QLDD ngày 25/7/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13, 14, 15/NQ-HĐND cùng ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 1794/SLĐTBXH-VPBCĐGN ngày 03/8/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 1711/CAT-PV01 ngày 02/8/2023 của Giám đốc Công an tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (*đính kèm*), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện:

- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 – 2025.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 (đợt 3).

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023.

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024.

2. Phòng Kinh tế tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

4. Phòng Tư pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

5. Phòng Quản lý đô thị tổ chức thực hiện Nghị quyết số 16//NQ-HĐND ngày 14/7/2023 ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

7. Phòng Nội vụ tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc phê duyệt tổng số biên chế cán bộ, công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện năm 2023.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên và các tổ chức Hội có tính chất đặc thù (các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) năm 2023.

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 phê duyệt kinh phí chi hỗ trợ một lần đối với gia đình có nhiều liệt sĩ được tặng thưởng Huân chương Độc lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

8. Công an thị xã tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định việc xử lý đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực.

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

9. Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019, Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

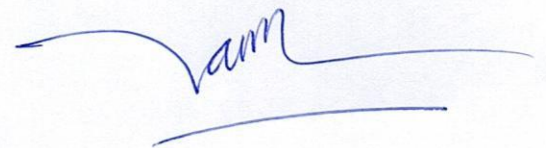
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

10. Các phòng, ban, ngành thị xã, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao, Ủy ban nhân dân các xã, phường tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thị xã biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND thị xã;
- CT và các PCT. UBND thị xã;
- HĐND các xã, phường;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Thị Hồng Gấm

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2272 /STNMT-QLĐĐ

Trà Vinh, ngày 25 tháng 7 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND; 14/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 14/7/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh đã ban hành các Nghị quyết (đính kèm 03 Nghị quyết):

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 97/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019, Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh.

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa tỉnh Trà Vinh.

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai đến các Sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- BLĐ Sở TNMT;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- TT CNTT TNMT (đăng tin);
- Lưu: VT, QLĐĐ, Điện.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Vạn Kha

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3208 /UBND-NN

Trà Vinh, ngày 24 tháng 7 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số: 13, 14, 15/NQ-HĐND cùng ngày
14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,
thị xã, thành phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Nghị quyết số: 13, 14, 15/NQ-HĐND cùng ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục công trình, dự án cần chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (đính kèm); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

Giao Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương tổ chức thực hiện 03 Nghị quyết trên của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các ngành, địa phương tổ chức thực hiện Nghị quyết số: 14, 15/NQ-HĐND cùng ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền; tổng hợp dự thảo báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3263**/UBND-THNV
V/v triển khai thực hiện các Nghị quyết
kỳ họp thứ 9 - HĐND tỉnh khóa X

Trà Vinh, ngày **27** tháng 7 năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Kỳ họp thứ 9- HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, đã ban hành các Nghị quyết về các chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện các nghị quyết thuộc lĩnh vực phụ trách;

- Đối với các nghị quyết cần tham mưu UBND tỉnh triển khai, đề nghị các sở, ngành khẩn trương thực hiện.

- Triển khai thực hiện: Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh năm 2024; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 thành lập Đoàn giám sát chuyên đề "Công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2023"; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 thành lập Đoàn giám sát chuyên đề "Việc đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2023".

2. Sở Tài chính tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách địa phương tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc bổ sung dự toán, bổ sung có mục tiêu và điều chỉnh dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 (đợt 3).

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023.

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ thiết bị và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

6. Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

7. Sở Y tế tổ chức thực hiện Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 ban hành mẫu hồ sơ, thủ tục lựa chọn dự án dược liệu quý trên địa bàn huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

8. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

10. Sở Nội vụ tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc tán thành chủ trương điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã để mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố Trà Vinh.

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc phê duyệt tổng số biên chế cán bộ, công chức đối với các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện năm 2023.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên và các tổ chức Hội có tính chất đặc thù (các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) năm 2023.

- Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 phê duyệt kinh phí chi hỗ trợ một lần đối với gia đình có nhiều liệt sĩ được tặng thưởng Huân chương Độc lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

11. Công an tỉnh tổ chức thực hiện:

- Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định việc xử lý đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực.

- Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

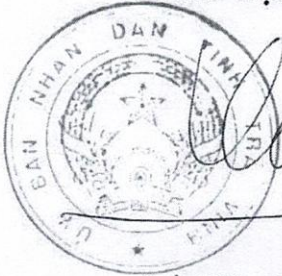
- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

* Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nghiêm nội dung Công văn này. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi việc thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh nắm để có sự chỉ đạo. *lvh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, THNV. 02

CHỦ TỊCH
lvh



Lê Văn Hãn

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1174/STP-VBPB&TDTHPL
V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số 15/2023/NQ-HĐND ngày
14/7/2023 của HĐND tỉnh

Trà Vinh, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3263/UBND-THNV ngày 27/7/2023 về việc triển khai thực hiện các nghị quyết kỳ họp thứ 9 - HĐND tỉnh khóa X.

Ngày 14/7/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND quy định một số khoản chi có tính chất đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (có hiệu lực từ ngày 24/7/2023).

Sở Tư pháp phổ biến đến các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD STP;
- Lưu: VT, VBPB&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Hoàng Khâm

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *111*/CAT-PV01

Trà Vinh, ngày *02* tháng 8 năm 2023

V/v triển khai thực hiện các Nghị quyết
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Ngày 14/7/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND về việc quy định việc xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND về việc bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND về việc quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Giám đốc Công an tỉnh đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ các ngành, địa phương tổ chức thực hiện 03 Nghị quyết nêu trên (*đính kèm*) theo quy định.

Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các đồng chí phản ánh về Công an tỉnh (qua Phòng Tham mưu Công an tỉnh, địa chỉ: số 29 Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Trà Vinh) để tổng hợp giải đáp. *Chữ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo);
- BLĐ.PV01, TMCS, PC (để th/dối, đ/xuất);
- Lưu: VT, PV01(PC). *03 bản*



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Trần Hồng Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH

ĐẾN Số: 4.806

Ngày: 21/7/2023

Chuyên:

Ưu số sơ số:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, QCVN 06:2022/BXD;

Xét Tờ trình số 2081/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định việc xử lý đối với các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc xử lý đối với các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 (sau đây viết là Luật PCCC) có hiệu lực.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở không đáp ứng ít nhất một trong các yêu cầu theo quy định tại Điều 20 Luật PCCC.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại văn bản của cơ quan Nhà nước cấp trên và quy định tại Nghị quyết này.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động ổn định; hạn chế việc gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

3. Đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy theo hướng ổn định phục vụ phát triển kinh tế bền vững, đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, con người, tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức và Nhân dân.

4. Cơ sở trong quá trình thực hiện cải tạo, sửa chữa phải tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 3. Việc xử lý đối với cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC có hiệu lực

Xem xét áp dụng một hoặc một số giải pháp kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy bổ sung, tăng cường đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất của từng công trình, cụ thể:

1. Giải pháp kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy bổ sung, tăng cường đối với công trình dân dụng không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC có hiệu lực (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết).

2. Giải pháp kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy bổ sung, tăng cường đối với công trình công nghiệp không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật PCCC có hiệu lực (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết).

3. Đối với các cơ sở không có khả năng bổ sung, tăng cường giải pháp kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy phải thay đổi công năng sử dụng của công trình.

Điều 4. Trình tự thực hiện

1. Người đứng đầu cơ sở, chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, cam kết lộ trình, thời hạn khắc phục các nội dung tồn tại đối với cơ sở thuộc đối

tượng quy định của Nghị quyết; lập hồ sơ thiết kế cải tạo gửi Công an tỉnh tham gia ý kiến bằng văn bản trước khi thi công.

2. Sau khi thi công hoàn thiện, người đứng đầu cơ sở, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu đối với công trình và có văn bản đề nghị, hồ sơ nghiệm thu gửi Công an tỉnh để kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các nội dung tồn tại.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm đánh giá kết quả kiểm tra nghiệm thu của chủ cơ sở, chủ đầu tư và xác nhận bằng văn bản về việc khắc phục hoàn thành các nội dung tồn tại về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có cơ sở không đảm bảo yêu cầu phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Nghị quyết này được sử dụng nguồn ngân sách được cấp theo quy định và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

2. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thì người đứng đầu cơ sở, chủ đầu tư chủ động bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện khắc phục các nội dung tồn tại về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc phạm vi phụ trách, quản lý.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có cơ sở không đảm bảo yêu cầu phòng cháy, chữa cháy hoàn thành việc khắc phục các nội dung tồn tại về phòng cháy, chữa cháy trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. Trường hợp không thực hiện sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công an;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tư pháp, Công an, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY BỔ SUNG, TĂNG CƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG KHÔNG ĐẢM BẢO YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY SỐ 27/2001/QH10 CÓ HIỆU LỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND

ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. Bậc chịu lửa

Trường hợp sử dụng kết cấu thép che mái, bản thang bộ, chiếu thang và sàn trong các nhà, công trình, cho phép bổ sung các biện pháp bọc, phủ các lớp bảo vệ bằng vật liệu không cháy lên kết cấu thép, có giới hạn chịu lửa không dưới 45 phút hoặc trang bị bổ sung hệ thống chữa cháy tự động.

2. Đường giao thông cho xe chữa cháy

Căn cứ quy mô, tính chất hoạt động, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của từng công trình cụ thể, lựa chọn một trong các giải pháp sau:

- Lắp đặt bổ sung đường ống cố định, họng nhận nước tại vị trí xe chữa cháy có thể tiếp cận.

- Xem xét đến khả năng tiếp cận của xe chữa cháy thông qua đường giao thông nội bộ của công trình liền kề theo hướng tiếp giáp với công trình.

- Trường hợp đường nội bộ có kích thước nhỏ hơn 3,5m lực lượng chữa cháy có thể tiếp cận được dọc theo đường nội bộ này, phải mở thêm các cửa ra thoát nạn để tiếp cận từ bên ngoài.

- Xem xét việc tiếp cận từ trên mái của các cơ sở liền kề mà các cơ sở này xe chữa cháy có thể tiếp cận được; đồng thời tại các tầng của công trình trang bị bổ sung thang sắt đứng loại P1 (thang sắt có lồng bảo vệ) hoặc thang dây, ống tụt tại vị trí ban công, lô gia và các gian phòng phía mặt ngoài nhà.

- Xem xét khả năng tiếp cận của canô chữa cháy đối với các công trình nằm tiếp giáp với sông, kênh, rạch.

3. Khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy

- Tăng giới hạn chịu lửa các cấu kiện xây dựng chính (cột, dầm, sàn giữa các tầng, tường buồng thang bộ, bản thang và chiếu thang) để tăng bậc chịu lửa của công trình.

- Hoặc xây bổ sung tường, vách ngăn cháy, tấm bê tông nhẹ lắp ghép, có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI45 (trong thời gian cháy 45 phút mà vật liệu không bị biến dạng) ở mặt tiếp giáp với công trình xung quanh, đường ranh giới khu đất hoặc ốp tấm, vật liệu chống cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI45 bên trong các cửa sổ, lỗ cửa. KV

- Hoặc giảm tải trọng chất cháy bố trí trong công trình và bổ sung giải pháp bố trí xen kẽ giữa chất dễ cháy với chất không cháy, khó cháy hoặc bố trí các chất cháy cách xa tường ngoài phía tiếp giáp với công trình xung quanh tối thiểu 4m.

4. Bố trí mặt bằng, công năng sử dụng

- Điều chỉnh công năng sử dụng phù hợp với quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2022/BXD.

- Hoặc xem xét đánh giá điều kiện thoát nạn thực tế tại công trình, hạn chế số người đối với các công năng bố trí ở các tầng cao của công trình.

- Hoặc nghiên cứu bổ sung thêm các gian phòng lánh nạn cục bộ cho những đối tượng có hạn chế về sức khỏe, vận động.

5. Ngăn cháy lan

- Bổ sung giải pháp tăng giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng để tăng bậc chịu lửa của nhà, công trình đảm bảo phù hợp với số tầng giới hạn và diện tích khoang cháy theo quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2022/BXD.

- Hoặc sử dụng tường ngăn cháy hoặc vách ngăn hoặc bổ sung hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler.

6. Lối thoát nạn

- Trường hợp công trình chưa đảm bảo về số lượng cầu thang bộ, buồng thang bộ thoát nạn chọn một trong các giải pháp sau:

+ Bổ sung cầu thang bên ngoài nhà, để hờ hoặc cầu thang bên trong nhà, được đặt trong buồng thang bộ, chiều rộng bản thang tối thiểu 0,9m, cửa cầu thang là cửa ngăn cháy, có cơ cấu tự động đóng;

Đối với các công trình cao không quá 02 tầng cho phép bổ sung cầu thang bên ngoài nhà, để hờ hoặc cầu thang bên trong nhà, để hờ (tầng 1, 2 cùng công năng sử dụng và tổng diện tích của 02 tầng không quá diện tích khoang cháy cho phép) với chiều rộng bản thang tối thiểu 0,9m. Trường hợp không có khả năng bổ sung cầu thang thì nghiên cứu bố trí thang sắt đứng P1 hoặc thang dây hoặc dây thả chậm hoặc ống tụt;

+ Công trình có 01 buồng thang bộ kín hoặc cầu thang bên trong nhà, để hờ có thể mở ô thoáng tại mặt ngoài để bảo đảm cầu thang được thông gió, thoát khói tự nhiên cho cầu thang;

- Trường hợp cầu thang bộ bên trong nhà không có khả năng đóng kín thì có giải pháp mở các ô thoáng ở mặt ngoài của cầu thang bộ bên trong nhà, để bảo đảm cầu thang được thông gió, thoát khói tự nhiên (tương tự như cầu thang bộ loại 3).

- Trường hợp cầu thang bộ, buồng thang bộ không đảm bảo chiều rộng bản thang, bậc thang hình rẻ quạt, giạt cấp chọn một trong các giải pháp sau: KV

+ Trang bị bổ sung đèn chiếu sáng sự cố, sơn phản quang chỉ dẫn trong cầu thang, buồng thang và tại các bậc thang rẽ quạt để cảnh báo, nhận biết;

+ Trang bị bổ sung hệ thống chữa cháy tự động cho toàn bộ công trình.

Ngoài các giải pháp nêu trên, đồng thời bổ sung giải pháp:

- Trang bị bổ sung khẩu trang lọc độc tương ứng số người trên mỗi tầng để phục vụ trong quá trình thoát nạn.

- Trang bị bổ sung tối thiểu 02 bộ quần áo cách nhiệt bằng vật liệu chống cháy, 02 bộ mặt trùm lọc độc đặt tại phòng bảo vệ luôn có người thường trực 24/24 giờ.

7. Trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy

a) Hệ thống hút khói

- Đối với công trình dân dụng không có khả năng lắp đặt hệ thống hút khói hành lang (theo quy định phải trang bị): Bổ sung cửa chống cháy cho các gian phòng có cơ cấu tự động đóng, hoặc bổ sung đầu phun chữa cháy Sprinkler tự động tại vị trí trước cửa gian phòng, hoặc mở ô thoáng tại đầu hồi hành lang để thông gió, thoát khói tự nhiên.

b) Các hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy khác:

Căn cứ quy mô, tính chất hoạt động, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của từng công trình cụ thể, lựa chọn trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy sau:

- Sử dụng hệ thống báo cháy tự động không dây đối với các công trình quy mô nhỏ và vừa để thay thế hệ thống báo cháy thông thường.

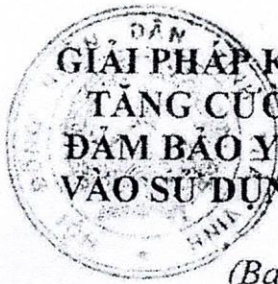
- Nghiên cứu trang bị các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy mới theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy như: Hệ thống báo cháy không dây, hệ thống chữa cháy tự động bằng khí aerosol, hệ thống chữa cháy khí cục bộ, hệ thống phun sương cao áp... đối với các công trình hiện hữu, không phải thi công, sửa chữa nhiều ảnh hưởng đến kết cấu của công trình.

- Trang bị máy bơm khiêng tay, máy bơm nổi có thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm công trình thay cho các máy bơm chữa cháy cố định đối với các công trình tiếp giáp sông, kênh, rạch có lượng nước chữa cháy ổn định đảm bảo phục vụ chữa cháy.

- Công trình không có khả năng trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà hoặc bể nước chữa cháy, nguồn nước phục vụ chữa cháy không đảm bảo khối tích theo quy định: Sử dụng trụ nước chữa cháy, hồ thu nước, bể nước công cộng, ao, hồ, sông hoặc sử dụng trụ nước chữa cháy của cơ sở bên cạnh đã được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy có bán kính không quá 200m so với công trình. KV

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu, dụng cụ phá dỡ thô sơ phù hợp theo TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- Khi trang bị các hệ thống, thiết bị chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam thì áp dụng các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của nước ngoài theo khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013./. kw



Phụ lục II

GIẢI PHÁP KỸ THUẬT VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY BỔ SUNG, TĂNG CƯỜNG ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP KHÔNG ĐẢM BẢO YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY SỐ 27/2001/QH10 CÓ HIỆU LỰC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. Bậc chịu lửa

- Đối với công trình công nghiệp được phân hạng nguy hiểm cháy nổ hạng A, B, C cao từ 02 tầng trở lên sử dụng kết cấu khung thép mái tôn, cho phép bổ sung các biện pháp bọc, phủ các lớp bảo vệ bằng vật liệu không cháy lên kết cấu thép, có giới hạn chịu lửa không dưới 45 phút.

- Đối với công trình công nghiệp được phân hạng nguy hiểm cháy nổ hạng A, B, C cao không quá 01 tầng được trang bị hệ thống chữa cháy tự động và công trình công nghiệp được phân hạng nguy hiểm cháy nổ D, E (không phụ thuộc vào số tầng) cho phép sử dụng kết cấu khung thép mái tôn. Riêng đối với các công trình công nghiệp được phân hạng nguy hiểm cháy nổ hạng C tiếp giáp với các sông, kênh, rạch, ao, hồ có trữ lượng nước đảm bảo phục vụ cho công tác chữa cháy; có trang bị máy bơm khiêng tay hoặc máy bơm nổi chữa cháy thì không bắt buộc trang bị hệ thống chữa cháy tự động.

2. Đường giao thông cho xe chữa cháy

a) Căn cứ quy mô, tính chất hoạt động, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của từng công trình cụ thể, lựa chọn một trong các giải pháp sau:

- Lắp đặt bổ sung đường ống cố định, họng nhận nước tại vị trí xe chữa cháy có thể tiếp cận.

- Xem xét đến khả năng tiếp cận của xe chữa cháy thông qua đường giao thông nội bộ của công trình liền kề theo hướng tiếp giáp với công trình.

- Trường hợp đường nội bộ có kích thước nhỏ hơn 3,5m lực lượng chữa cháy có thể tiếp cận được dọc theo đường nội bộ này, phải mở thêm các cửa ra thoát nạn để tiếp cận từ bên ngoài, tại các vị trí cửa này phía ngoài nhà phải bố trí họng nước chữa cháy (họng khô) ngoài nhà của công trình được kết nối với đường ống cấp nước có bố trí họng nhận nước tại vị trí xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận được.

- Lắp đặt bổ sung hệ thống lăng giá phun nước được điều khiển bằng tay trong nhà dọc theo chiều dài phía xe chữa cháy không tiếp cận được và kết nối

với hệ thống chữa cháy bằng nước của công trình, họng nhận nước từ xe chữa cháy tại vị trí xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận được.

- Xem xét việc tiếp cận từ trên mái của các cơ sở liền kề mà các cơ sở này xe chữa cháy có thể tiếp cận được; đồng thời tại các tầng của công trình trang bị bổ sung thang sắt đứng loại P1 (thang sắt có lồng bảo vệ) hoặc thang dây, ống tụt tại vị trí ban công, lô gia và các gian phòng phía mặt ngoài nhà.

- Xem xét khả năng tiếp cận của canô chữa cháy đối với các công trình nằm tiếp giáp với sông, kênh, rạch.

b) Thực hiện giải pháp bổ sung

- Trang bị khẩu trang lọc độc tương ứng số người trên mỗi tầng để phục vụ trong quá trình thoát nạn.

- Trang bị tối thiểu 02 bộ quần áo cách nhiệt bằng vật liệu chống cháy, 02 bộ mặt trùm lọc độc đặt tại phòng bảo vệ luôn có người thường trực 24/24 giờ.

3. Khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy

- Tại các vị trí không thể bố trí các tường, vách ngăn cháy theo quy định về khoảng cách an toàn về phòng cháy, chữa cháy, cho phép trang bị bổ sung đầu phun sprinkler tự động hoặc thiết bị tạo màn nước drencher, bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m với cường độ phun không nhỏ hơn 1 l/s cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 02 dải), thời gian duy trì màn nước ít nhất 1 giờ.

- Hoặc tăng giới hạn chịu lửa các cấu kiện xây dựng chính (cột, dầm, sàn giữa các tầng, tường buồng thang bộ, bản thang và chiếu thang) để tăng bậc chịu lửa của công trình.

- Hoặc xây bổ sung tường, vách ngăn cháy, tấm bê tông nhẹ lắp ghép, có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI45 (trong thời gian cháy 45 phút mà vật liệu không bị biến dạng) ở mặt tiếp giáp với công trình xung quanh, đường ranh giới khu đất hoặc ốp tấm, vật liệu chống cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI45 bên trong các cửa sổ, lỗ cửa.

- Hoặc bổ sung giải pháp phân vùng ngăn cháy, bố trí các chất cháy cách xa tường ngoài phía tiếp giáp với công trình xung quanh tối thiểu 6m, giảm tải trọng chất cháy bố trí trong công trình.

* Đối với công trình cửa hàng xăng dầu:

- Trang bị bổ sung phương tiện, hệ thống chữa cháy cố định hoặc bán cố định để đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại QCVN 01:2020/BCT. KV

- Hoặc xây tường ngăn cháy phần tiếp giáp giữa cửa hàng xăng dầu đến các công trình bên ngoài cửa hàng hoặc giữa các hạng mục bên trong cửa hàng.

4. Bố trí mặt bằng, công năng sử dụng

- Điều chỉnh công năng sử dụng phù hợp với quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2022/BXD.

- Hoặc xem xét đánh giá điều kiện thoát nạn thực tế tại công trình, hạn chế số người đối với các công năng bố trí ở các tầng cao của công trình.

- Hoặc nghiên cứu bổ sung thêm các gian phòng lánh nạn cục bộ cho những đối tượng có hạn chế về sức khỏe, vận động.

5. Ngăn cháy lan

- Bổ sung giải pháp tăng giới hạn chịu lửa của cấu kiện xây dựng để tăng bậc chịu lửa của nhà, công trình đảm bảo phù hợp với số tầng giới hạn và diện tích khoang cháy theo quy định tại Phụ lục H QCVN 06:2022/BXD.

- Hoặc sử dụng tường ngăn cháy hoặc vách ngăn cháy hoặc thiết bị tạo màn nước drencher, bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m với cường độ phun không nhỏ hơn 1 l/s cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải), thời gian duy trì màn nước ít nhất 1 giờ.

- Hoặc bổ sung hệ thống, thiết bị chữa cháy tự động sprinkler, thiết bị chữa cháy tự động bằng bột, khí.

- Hoặc cho phép thay đổi tường ngăn cháy bằng vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 12m. Giới hạn chịu lửa của các cấu kiện và bộ phận của ngôi nhà trong vùng ngăn cháy phải đảm bảo:

- + 45 phút đối với tường ngăn giữa vùng ngăn cháy và các khu vực khác;
- + 15 phút đối với vách ngăn;
- + 150 phút đối với cột;
- + 45 phút đối với sàn, mái và tường ngoài.

Lưu ý: Trong các ngôi nhà một tầng có bậc chịu lửa III, IV, V mà không sử dụng, bảo quản các chất khí, chất lỏng dễ cháy cũng như không có các quá trình tạo ra bụi dễ cháy cho phép thay thế tường ngăn cháy bằng vùng ngăn cháy với chiều rộng không nhỏ hơn 6m.

6. Lối thoát nạn

- Trường hợp chưa đảm bảo số lượng cầu thang bộ, buồng thang bộ thoát nạn:

- + Đối với nhà công nghiệp, nhà phụ trợ cao không quá 02 tầng: *KW*

Bổ sung cầu thang bên ngoài nhà, để hờ hoặc cầu thang bên trong nhà, để hờ (tầng 1, 2 cùng công năng sử dụng và tổng diện tích của 02 tầng không quá diện tích khoang cháy cho phép), chiều rộng bản thang tối thiểu 0,9m.

Hạn chế tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng thuộc các lớp bề mặt kết cấu gian phòng, hành lang, đường thoát nạn.

+ Đối với nhà công nghiệp, nhà phụ trợ cao từ 03 tầng trở lên:

Bổ sung cầu thang bên ngoài nhà, để hờ hoặc cầu thang bên trong nhà, được đặt trong buồng thang, chiều rộng bản thang tối thiểu 0,9m.

Hạn chế tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng thuộc các lớp bề mặt kết cấu gian phòng, hành lang, đường thoát nạn.

- Trường hợp cầu thang bên trong nhà không có khả năng đóng kín buồng thang chọn một trong các giải pháp sau:

+ Bổ sung giải pháp sử dụng quạt cắt gió ngăn hành lang và cầu thang hoặc thiết bị tạo màn nước drencher, bố trí thành 02 dải cách nhau 0,5m với cường độ phun không nhỏ hơn 1 l/s cho mỗi mét chiều dài màn nước (tính chung cho cả 2 dải), thời gian duy trì màn nước ít nhất 1 giờ (có giải pháp sử dụng vách đứng kín bằng vật liệu không cháy hạ xuống để ngăn chặn lan truyền của khói);

+ Có giải pháp mở các ô thoáng ở mặt ngoài của cầu thang bộ bên trong nhà, để bảo đảm cầu thang được thông gió, thoát khói tự nhiên (tương tự như cầu thang bộ loại 3);

+ Trang bị bổ sung hệ thống chữa cháy tự động cho toàn bộ công trình.

- Trường hợp cầu thang bộ, buồng thang bộ không đảm bảo chiều rộng bản thang, bậc thang hình rẽ quạt, giạt cấp chọn một trong các giải pháp sau:

+ Trang bị bổ sung đèn chiếu sáng sự cố, sơn phản quang chỉ dẫn trong cầu thang, buồng thang và tại các bậc thang rẽ quạt để cảnh báo, nhận biết;

+ Bổ sung hệ thống tăng áp cho buồng thang bộ;

+ Trang bị bổ sung hệ thống chữa cháy tự động cho toàn bộ công trình.

Ngoài các giải pháp nêu trên, đồng thời bổ sung giải pháp:

- Trang bị bổ sung khẩu trang lọc độc tương ứng số người trên mỗi tầng để phục vụ trong quá trình thoát nạn.

- Trang bị bổ sung tối thiểu 02 bộ quần áo cách nhiệt bằng vật liệu chống cháy, 02 bộ mặt trùm lọc độc đặt tại phòng bảo vệ luôn có người thường trực 24/24 giờ.

7. Trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy KV

a) Hệ thống hút khói

- Đối với công trình công nghiệp không có khả năng lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức bằng cơ khí phải căn cứ quy mô, tính chất hoạt động, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của từng cơ sở cụ thể, nghiên cứu giải pháp thông gió, thoát khói tự nhiên qua cửa trời, lỗ cửa sổ (cửa chớp) trên mặt tường ngoài.

b) Các hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy khác:

Căn cứ quy mô, tính chất hoạt động, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của từng công trình cụ thể, lựa chọn trang bị hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy sau:

- Nghiên cứu trang bị các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy mới theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy như: Hệ thống báo cháy không dây, hệ thống chữa cháy tự động bằng khí aerosol, hệ thống chữa cháy khí cục bộ, hệ thống phun sương cao áp...đối với các công trình hiện hữu, không phải thi công, sửa chữa nhiều ảnh hưởng đến kết cấu của công trình.

- Trang bị máy bơm khiêng tay, máy bơm nổi có thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm công trình thay cho các máy bơm chữa cháy cố định đối với các công trình tiếp giáp sông, kênh, rạch có lượng nước chữa cháy ổn định đảm bảo phục vụ chữa cháy.

- Công trình không có khả năng trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà hoặc bể nước chữa cháy, nguồn nước phục vụ chữa cháy không đảm bảo khối tích theo quy định: Sử dụng trụ nước chữa cháy, hồ thu nước, bể nước công cộng, ao, hồ, sông hoặc sử dụng trụ nước chữa cháy của cơ sở bên cạnh đã được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy có bán kính không quá 200m so với công trình.

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu, dụng cụ phá dỡ thô sơ phù hợp theo TCVN 3890:2023 Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- Khi trang bị các hệ thống, thiết bị chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam thì áp dụng các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy của nước ngoài theo khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013./. KW

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH	
SỐ...	2807
Ngày	21/7/2023
Huyện:	
QU...SỐ...	

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;

Xét Tờ trình số 2079/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *Ký*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công an;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tư pháp, Công an, Tài chính, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH

Số: 1803

ĐẾN ngày: 21/7/2023

CHUYỂN:

LƯU TỒN SỐ QUẢN:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 82/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 2080/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Mức hỗ trợ

1. Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được hưởng mức hỗ trợ 360.000 đồng/tháng đối với mỗi người được giáo dục, giúp đỡ.

2. Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được hưởng kinh phí hỗ trợ kể từ thời điểm Quyết định phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục có hiệu lực thi hành cho đến khi kết thúc việc giúp đỡ bằng Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực thi hành hoặc giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Trường hợp thời gian được phân công giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn không đủ một tháng thì được tính như sau:

a) Thời gian thực hiện giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn dưới 15 ngày thì được hưởng mức hỗ trợ 180.000 đồng.

b) Thời gian thực hiện giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 15 ngày trở lên thì được hưởng mức hỗ trợ 360.000 đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chi hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị quyết này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. //

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công an;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: Tư pháp, Tài chính, Công an, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- IT HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái